

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2025
V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tươi, bà Phạm Thị Lan

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đức Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 22 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 06/8/1990; Căn cước công dân số 030190002691; cấp ngày 02/01/2025

Cư trú tại: Đội 15, Thôn VT, xã TV, huyện TH, tỉnh HD nay là xã HB, thành phố HP.

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn V**, sinh ngày 28/4/1989; CCCD số 030089015058; cấp ngày 04/5/2021

Cư trú tại: Đội 1, thôn Đông, xã Hồng Lạc, huyện TH, tỉnh HD nay là xã HB, Thành phố HP.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày: Chị và anh **Bùi Văn V** tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Lạc, huyện TH, tỉnh HD nay là xã HB, thành phố HP ngày 19/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc. Tháng 4 năm 2018 chị đi lao động tại

Nhật Bản, trong thời gian chị xa nhà, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, hai bên không quan tâm trách nhiệm đến nhau. Chị xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 28/5/2010 và Bùi Hà V, sinh ngày 04/12/2012, hiện các con đang ở cùng anh V. Ly hôn chị T đề nghị mỗi người nuôi một con, chị đề nghị nuôi cháu Diệp, cháu Vy ở cùng anh V. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Các cháu đều đã trên 07 tuổi đã có bản tự khai trình bày nguyện vọng, cháu Hà Vy đề nghị được ở với bố; cháu Ngọc Diệp đề nghị được ở với mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/5/2025 (do chị T giao nộp hộ anh V), bị đơn anh Bùi Văn V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 19/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Lạc huyện TH, tỉnh HD nay là xã HB, thành phố HP. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có tiếng nói chung, tính cách không hợp, không còn tình cảm vợ chồng. Chị T xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 28/5/2010 và Bùi Hà V, sinh ngày 04/12/2012, hiện các con đang ở cùng anh V. Ly hôn anh đề nghị cháu Diệp ở với chị T, cháu Vy ở với anh V, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Anh V tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, anh V có mặt tại địa phương và đã có bản tự khai nhưng không đến Tòa án, không hợp tác khi Tòa án phối hợp với Trưởng thôn đến gia đình làm việc, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 39 của Bộ luật dân sự, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Bùi Văn V. Về con chung: Giao con Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 28/5/2010 cho

chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Bùi Hà V, sinh ngày 04/12/2012 cho anh Bùi Văn V tiếp tục nuôi dưỡng kể từ tháng 8 năm 2025 đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công sức, nợ: Không giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại xã HB, thành phố HP thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã giao và gửi hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh V tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn 19/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Lạc nay là xã HB, Thành phố HP đảm bảo đúng quy định là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm và tôn trọng nhau. Chị T xin ly hôn, anh V đồng ý, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Xử cho chị T được ly hôn anh V.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 28/5/2010 và Bùi Hà V, sinh ngày 04/12/2012, anh chị đều đề nghị mỗi người nuôi một con, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Các cháu đều đã trên 7 tuổi, cháu Diệp có nguyện vọng ở với chị T, cháu Vy có nguyện vọng ở với anh V phù hợp với yêu cầu của anh chị. Căn cứ Điều khoản 2 Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị T Viễn. Giao cho anh chị T Viễn mỗi người nuôi một con, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Anh chị được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* Anh chị đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không giải quyết.

[2.4] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại điểm a mục 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 51, 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, 229, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T

3. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Bùi Văn V.

4. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 28/5/2010; giao cho anh Bùi Văn V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con Bùi Hà V, sinh ngày 04/12/2012, kể từ tháng 8/2025 đến khi các con chung thành niên đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24 số 0002043 ngày 21/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh HD nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Hải Phòng. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - HP;
- Phòng THADS khu vực 8- HP;
- Các đương sự;
- UBND xã HB, TP Hải Phòng
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

